ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 188 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện các quan điểm, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và hoàn thành các mục tiêu về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

Quán triệt và cụ thể hóa các mục tiêu của Chính phủ về chuyển đổi số văn hóa phù hợp với thực tiễn tỉnh Lạng Sơn.

Xác định chuyển đổi số là động lực then chốt để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, con người Lạng Sơn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực quảng bá hình ảnh Xứ Lạng ra quốc tế thông qua môi trường số.

2. Yêu cầu

Nội dung Kế hoạch đảm bảo bám sát nội dung Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; Chương trình hành động số 24-Ctr/TU, ngày 09/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; Nghị quyết số 216-NQ/TU, ngày 24/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc.

Việc triển khai phải đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, gắn trách nhiệm của người đứng đầu.

Nội dung chuyển đổi số phải đảm bảo hài hòa giữa ứng dụng công nghệ hiện đại với việc bảo tồn tri thức bản địa và bản sắc dân tộc.

Đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo vệ chủ quyền văn hóa trên không gian số.

II. NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA

1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa phải bảo đảm giữ gìn, phát huy bản sắc, giá trị cốt lõi và tinh hoa của văn hóa Lạng Sơn; gắn với đổi mới sáng tạo nhằm tạo sức sống mới cho các giá trị văn hóa, mở rộng phương thức tiếp cận, nâng cao sức lan tỏa và năng lực cạnh tranh của văn hóa Xứ Lạng trên môi trường số.

2. Triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên cơ sở 5 trụ cột chiến lược, bảo đảm xây dựng khuôn khổ tổ chức và vận hành thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm phục vụ công tác quản lý, thúc đẩy hoạt động sáng tạo, phổ biến và thụ hưởng văn hóa trên môi trường số.

2.1. Trụ cột 1: Phát triển hạ tầng số và nền tảng dữ liệu văn hóa dùng chung của tỉnh

Phát triển hạ tầng số và các nền tảng dữ liệu văn hoá dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đồng bộ, hiện đại, an toàn, có khả năng mở rộng; chủ động kiểm soát các nguy cơ rủi ro, bảo vệ tài nguyên số, dữ liệu và chủ quyền văn hóa trên môi trường số nhằm làm cơ sở bảo đảm các hoạt động quản lý, sáng tạo, phân phối và thụ hưởng văn hóa được triển khai trên môi trường số thông minh, an toàn, hiệu quả và bền vững.

2.2. Trụ cột 2: Hoàn thiện cơ chế, chính sách và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về văn hóa

Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; tạo môi trường pháp lý minh bạch, đồng bộ, khuyến khích đổi mới sáng tạo, sản xuất, phổ biến các tác phẩm, sản phẩm văn hóa trên môi trường số.

Hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý nhà nước; đột phá về tư duy quản lý, đổi mới mô hình và phương thức điều hành trên cơ sở số hóa quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng hệ thống quản trị và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

2.3. Trụ cột 3: Phát triển nguồn nhân lực số cho ngành văn hóa

Trang bị, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nghệ sĩ và người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nhằm nâng cao khả

năng thích ứng, chủ động dẫn dắt và sáng tạo trên môi trường số; bảo đảm phát triển đội ngũ nhân lực đủ năng lực, kỹ năng, tinh thần chủ động thích ứng với chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; xây dựng lực lượng chuyên gia nòng cốt, cán bộ dẫn dắt và mạng lưới nhân sự hỗ trợ tại cơ sở, kết hợp giữa năng lực văn hóa - công nghệ - quản trị.

2.4. Trụ cột 4: Số hóa di sản và tài nguyên văn hóa

Số hóa toàn diện di sản và tài nguyên văn hóa bằng công nghệ hiện đại, bảo đảm tính hệ thống, chuẩn hóa, đồng bộ, thống nhất, dùng chung, góp phần bảo tồn lâu dài và bền vững, nâng cao giá trị di sản, mở rộng khả năng tiếp cận và lan tỏa tri thức văn hóa, đồng thời tạo nguồn tài nguyên phong phú phục vụ nghiên cứu, sáng tạo, giáo dục, truyền thông và phát triển công nghiệp văn hóa.

2.5. Trụ cột 5: Phát triển công nghiệp văn hóa số

Tổ chức sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa trên nền tảng số, nhằm phát triển thị trường văn hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng không gian sáng tạo và tạo động lực phát triển kinh tế cho ngành văn hóa.

Phát triển các mô hình kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa dựa trên tài nguyên văn hóa số để tạo nguồn lực tái đầu tư cho bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá.

Phòng, chống gian lận trên nền tảng văn hóa số (vé điện tử, thanh toán, livestream), bảo vệ người dùng khỏi các hành vi lừa đảo, giả mạo trên nền tảng văn hóa số.

3. Thúc đẩy mở dữ liệu và kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu văn hóa giữa các sở, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp trên cơ sở bảo đảm quyền sở hữu, quyền khai thác hợp pháp, là chìa khóa, giải pháp then chốt để khơi thông dòng chảy sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho hình thành và phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa mới trên môi trường số.

4. Triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa theo tinh thần bền bỉ, kiên định mục tiêu, linh hoạt phương thức, kịp thời thích ứng với xu thế phát triển công nghệ và sự thay đổi hành vi tiêu dùng văn hóa số.

5. Bảo đảm phân bổ đủ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; xây dựng cơ chế quản lý kinh phí linh hoạt, minh bạch; đa dạng hóa nguồn và phương thức đầu tư, lấy nguồn lực khu vực nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, định hướng đầu tư ban đầu, tạo động lực thu hút, huy động xã hội hóa và khu vực tư nhân; khuyến khích hợp tác công - tư trong các hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

6. Tăng cường huy động nguồn lực, tiếp thu tri thức, công nghệ và mô hình phát triển tiên tiến từ quốc tế; chủ động mở rộng mạng lưới hợp tác chiến

lược; thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa gắn với hội nhập và lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới.

III. MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN

1. Mục tiêu tổng quát

Hiện đại hóa toàn diện hệ sinh thái văn hóa số của tỉnh Lạng Sơn gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của Xứ Lạng và nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu sáng tạo và chủ động hội nhập quốc tế; đưa văn hóa số trở thành nguồn lực mới cho phát triển bền vững; thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa; bảo đảm tài nguyên văn hóa được mở rộng số hóa, chia sẻ hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội.

2. Mục tiêu đến năm 2030: *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Hình thành hệ sinh thái văn hóa số toàn diện, thông minh, tương tác cao, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; văn hóa Lạng Sơn trở thành sức mạnh mềm quan trọng, lan tỏa mạnh mẽ ra thế giới. Phấn đấu ngành công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo đóng góp tỷ trọng cao trong GRDP của tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

a) Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách

- Áp dụng thực hiện đồng bộ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa về bản quyền số, sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và các quyền liên quan, dữ liệu văn hoá số, tài sản văn hoá số, nội dung số, dịch vụ văn hóa số và các hoạt động văn hóa trên môi trường số.

- Áp dụng thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư trong chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa. Nghiên cứu đề xuất thí điểm cơ chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo, thử nghiệm và triển khai các mô hình sáng tạo ứng dụng công nghệ hiện đại.

- Tham gia chương trình chuyển giao công nghệ, phát triển công nghệ lõi trong lĩnh vực văn hóa.

- Triển khai quy định bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số trong hoạt động văn hóa. Áp dụng cơ chế kiểm soát nội dung xuyên biên giới, phòng chống rò rỉ dữ liệu văn hóa quan trọng, bảo vệ các nền tảng dữ liệu do Nhà nước đầu tư; tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Triển khai các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ triển khai đồng bộ hệ sinh thái số văn hóa.

b) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính

Bảo đảm ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo: Phấn đấu chi ngân sách cho văn hóa đạt tối thiểu 2,0% tổng chi ngân sách địa phương hàng năm và tăng dần theo yêu cầu thực tiễn. Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng ưu tiên bố trí kinh phí đầy đủ, kịp thời cho các nhiệm vụ đột phá về ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, đảm bảo tính ổn định và chủ động cho các đơn vị thực hiện.

Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP): Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, thu hút các doanh nghiệp lớn tham gia đầu tư phát triển hạ tầng văn hóa số, bảo tàng số và du lịch thông minh. Thực hiện xã hội hóa trên nguyên tắc minh bạch, bình đẳng, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào các dịch vụ văn hóa trên nền tảng số, đặc biệt tại các vùng khó khăn, vùng biên giới và vùng dân tộc thiểu số.

Lồng ghép hiệu quả các nguồn lực tổng hợp: Thực hiện lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số văn hóa vào các Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) và các dự án phát triển hạ tầng vùng biên. Tích hợp nội dung số hóa vào các đề án lớn của tỉnh như phát triển du lịch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 và bảo tồn giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn.

Tăng cường phối hợp liên ngành và liên thông dữ liệu: Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, liên thông dữ liệu giữa văn hóa với các lĩnh vực du lịch, giáo dục, thông tin truyền thông và khoa học công nghệ. Đẩy mạnh chia sẻ, dùng chung các nền tảng dữ liệu số để tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, tạo hệ sinh thái văn hóa số thống nhất, đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế cửa khẩu và kinh tế số.

Thu hút nguồn lực quốc tế và kinh tế đối ngoại: Chủ động thu hút các nguồn vốn ODA, FDI và nguồn hỗ trợ từ các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ số. Đặc biệt chú trọng huy động nguồn lực thông qua các thỏa thuận hợp tác văn hóa - du lịch với Quảng Tây (Trung Quốc) và các đối tác chiến lược để quảng bá di sản, con người Xứ Lạng ra thị trường quốc tế trên các nền tảng mạng xã hội đa ngôn ngữ.

c) Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số văn hóa

Đổi mới công tác bồi dưỡng, gắn với chuẩn mực con người Lạng Sơn: Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa theo hướng làm chủ công nghệ số và kỹ năng quản trị dựa trên dữ liệu. Chú trọng đào tạo không chỉ về kỹ thuật mà còn về am hiểu văn hóa - lịch sử đặc trưng của Xứ Lạng để phục vụ tốt công tác tham mưu. Phấn đấu đến năm 2030, 100% cán bộ làm công tác văn hóa có kỹ năng sử dụng tốt các nền

tảng số và xử lý hồ sơ điện tử. Lồng ghép nội dung này vào chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh.

Xây dựng đội ngũ chuyên gia nòng cốt và lực lượng dẫn dắt: Hình thành mạng lưới chuyên gia số ngành văn hóa tại cấp tỉnh và cấp xã, ưu tiên tuyển chọn những người am hiểu di sản dân tộc (Then, Sli, Lượn) và có năng lực sáng tạo nội dung trên không gian mạng. Đề cao vai trò của người đứng đầu trong việc dẫn dắt và chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số văn hóa tại đơn vị.

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác đào tạo đa ngành: Chủ động thiết lập các chương trình liên kết giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các trường đại học công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông lớn và các tổ chức quốc tế để đào tạo chuyên sâu về quản trị di sản số, bảo tàng ảo và du lịch số. Tăng cường hợp tác đào tạo nhân lực số với các tỉnh lân cận và các đối tác từ Quảng Tây (Trung Quốc) để tiếp thu kinh nghiệm quản lý công nghiệp văn hóa trên nền tảng số.

Hình thành mạng lưới cộng tác viên số tại thôn, bản, khối phố: Tuyển chọn và tập huấn kỹ năng số cho lực lượng cộng tác viên văn hóa cơ sở, nhất là tại vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ này đóng vai trò là "hạt nhân" hướng dẫn người dân, nghệ nhân số hóa các bài thuốc y dược cổ truyền, các điệu múa, bài hát dân tộc và hỗ trợ cộng đồng thực hiện khởi nghiệp sáng tạo dựa trên tài nguyên văn hóa bản địa (mô hình du lịch cộng đồng, sản phẩm OCOP số).

Nâng cao năng lực thụ hưởng và sáng tạo cho thế hệ trẻ: Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, giáo dục di sản văn hóa Lạng Sơn trong nhà trường qua các nền tảng trải nghiệm ảo. Khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia các cuộc thi sáng tạo nội dung số, sản xuất video clip quảng bá về văn hóa, con người Xứ Lạng ra quốc tế.

d) Phát triển hạ tầng số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong lĩnh vực văn hóa

Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng số dùng chung: Tập trung hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng số của ngành văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh, đảm bảo kết nối đồng bộ với Trung tâm dữ liệu của tỉnh và hạ tầng điện toán đám mây dùng chung. Ưu tiên phát triển các nền tảng dữ liệu chuyên ngành theo mô hình chia sẻ, trọng tâm là: Nền tảng di sản văn hóa số (đặc biệt là di sản Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn), nền tảng thư viện số, và cơ sở dữ liệu về các loại hình nghệ thuật truyền thống như Then, hát Sli, hát Lượn. Đảm bảo hạ tầng văn hóa số có năng lực lưu trữ, xử lý và truyền tải các tài nguyên số đa phương tiện, dữ liệu 3D và các ứng dụng thực tế ảo phục vụ quảng bá du lịch và giáo dục di sản.

Bảo đảm kết nối đồng bộ và liên thông dữ liệu: Triển khai kết nối, tích hợp hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các

nền tảng số quốc gia như: Cổng dịch vụ công quốc gia, nền tảng định danh và xác thực điện tử (VNeID), cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thực hiện cơ chế chia sẻ dữ liệu văn hóa liên ngành với các lĩnh vực giáo dục, du lịch, thông tin truyền thông để hình thành hệ sinh thái dữ liệu số phục vụ phát triển kinh tế số và du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng hệ thống bảo đảm an toàn dữ liệu và bảo mật tài nguyên văn hóa số: Triển khai các giải pháp quản trị tập trung tài nguyên số lĩnh vực văn hóa; xác lập cơ chế kiểm soát truy cập và khai thác dữ liệu chặt chẽ, đảm bảo chủ quyền văn hóa trên không gian mạng.

Về công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin: Tổ chức đánh giá, thẩm định và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin chuyên ngành văn hóa của tỉnh theo quy định. Triển khai hệ thống SOC giám sát tập trung, đánh giá cấp độ hệ thống thông tin, kiểm thử xâm nhập định kỳ, xây dựng phương án xử lý sự cố.

Về hạ tầng công nghệ và thúc đẩy hạ tầng số: Thúc đẩy sử dụng hạ tầng điện toán đám mây dùng chung của tỉnh và các công nghệ hạ tầng mới trong quản lý tài nguyên văn hóa. Ưu tiên triển khai mô hình "hạ tầng như một dịch vụ" trên nền tảng đám mây dùng chung; tận dụng nền tảng điện toán biên, mạng phân phối nội dung (CDN), các công nghệ truyền phát dữ liệu số như truyền phát trực tuyến (streaming), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), Internet vạn vật (IoT) và các công nghệ tiên tiến khác nhằm tối ưu chi phí và nâng cao hiệu suất vận hành.

Về phát triển nền tảng số và hệ sinh thái văn hóa số: Ứng dụng và vận hành các nền tảng số, hạ tầng dữ liệu dùng chung để thu hút cộng đồng tham gia phát triển văn hóa; kết nối hiệu quả với các sàn giao dịch quốc gia về sản phẩm văn hóa, bản quyền và tài sản văn hóa số. Phát huy vai trò dẫn dắt của nhà nước trong việc xây dựng hạ tầng văn hóa số thiết yếu, tạo "dòng chủ lưu" trong sáng tạo các sản phẩm văn hóa mang đặc trưng Xứ Lạng (như Then, hát Sli, hát Lượn), hình thành hệ sinh thái văn hóa số bền vững gắn với phát triển kinh tế số, các ngành công nghiệp văn hoá và du lịch thông minh.

Về quản trị dựa trên dữ liệu và đo lường sự hài lòng: Nghiên cứu áp dụng Bộ chỉ số về chuyển đổi số văn hóa do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, triển khai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn dựa trên mức độ hài lòng của người dân và du khách. Ứng dụng Big Data và AI trong thu thập, phân tích và đo lường, bảo đảm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách trong lĩnh vực văn hoá.

đ) Hợp tác và hội nhập quốc tế trong chuyển đổi số văn hóa

Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế về văn hóa số: Chủ động triển khai các chương trình hợp tác văn hóa số với các tổ chức quốc tế và các nước

đối tác, trọng tâm là củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây và các địa phương của Trung Quốc; tập trung hợp tác trong lĩnh vực số hóa di sản văn hóa, ứng dụng công nghệ hiện đại (3D, VR/AR) trong trưng bày, truyền thông và phát huy giá trị di sản, đặc biệt là di sản Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn và các di tích quốc gia đặc biệt; thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm quản trị dữ liệu văn hóa số với các nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao. Tham gia tích cực vào các mạng lưới di sản số toàn cầu và khu vực để quảng bá hình ảnh con người và bản sắc văn hóa Xứ Lạng ra thế giới.

Thu hút nguồn lực và công nghệ quốc tế: Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút chuyên gia, nguồn vốn ODA, FDI và các quỹ đầu tư quốc tế vào lĩnh vực văn hóa và du lịch thông minh của tỉnh. Kêu gọi hỗ trợ kỹ thuật để triển khai các dự án ưu tiên của tỉnh đến năm 2030 như: nền tảng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa số dùng chung, Thư viện số tỉnh, và hệ thống trải nghiệm thực tế ảo tại các điểm du lịch trọng điểm. Thực hiện các sáng kiến "Bản đồ di sản số" để kết nối với các hội chợ du lịch và triển lãm quốc tế.

Thiết lập quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ: Phát triển các mô hình đối tác công - tư (PPP) với doanh nghiệp công nghệ số trong và ngoài nước để xây dựng hệ sinh thái văn hóa số bền vững. Ưu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến trong biểu diễn nghệ thuật truyền thống và triển lãm số nhằm làm mới trải nghiệm cho du khách quốc tế. Liên kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước để đào tạo nhân lực số chất lượng cao cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh.

Phát triển mạng lưới sáng kiến và chuyên gia số: Hình thành mạng lưới chuyên gia và lực lượng dẫn dắt chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa của tỉnh; kết nối chặt chẽ với các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia và quốc tế. Định kỳ tổ chức các diễn đàn, hội thảo chuyên đề về ứng dụng công nghệ hiện đại (AI, Big Data, 3D, VR/AR) trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản phi vật thể đặc trưng của Xứ Lạng. Xây dựng cơ chế chia sẻ kinh nghiệm số hóa di sản giữa tỉnh Lạng Sơn với các địa phương trong vùng Đông Bắc, Tây Bắc mở rộng và các đối tác quốc tế có nền công nghiệp văn hóa phát triển.

Gắn kết hợp tác số với ngoại giao văn hóa và quảng bá địa phương: Phát huy vai trò kết nối của tỉnh với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để quảng bá thương hiệu “Lạng Sơn - Điểm đến của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO” trên môi trường số tại các địa bàn trọng điểm. Triển khai sáng kiến “Bản đồ số di sản và du lịch Lạng Sơn”, xây dựng các gian trưng bày số (ảo) tại các hội chợ, hội thảo quốc tế và trên các nền tảng xuyên biên giới để giới thiệu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ra toàn cầu. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế huy động và thu hút chuyên gia, nguồn lực tài chính từ cộng đồng người Lạng

Sơn ở nước ngoài tham gia sáng tạo và lan tỏa các nội dung văn hóa số của quê hương.

Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành: Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ngành Văn hóa với các ngành để đảm bảo tính đồng bộ trong quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu văn hóa số của tỉnh. Đảm bảo hệ sinh thái dữ liệu văn hóa số của tỉnh tương thích và liên thông với các chương trình chuyển đổi số quốc gia, hệ thống định danh điện tử (VNeID) và các cam kết về bản quyền, tài sản số theo thông lệ quốc tế. Phối hợp liên ngành trong việc giám sát an toàn thông tin, ngăn chặn các nội dung văn hóa xấu độc trên môi trường mạng, bảo đảm chủ quyền văn hóa số của địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Nhiệm vụ, giải pháp chuyên biệt

a) Lĩnh vực Di sản văn hóa

Bảo đảm các di sản văn hóa hiện diện trên môi trường số, ưu tiên các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích quốc gia đặc biệt, các bảo vật quốc gia, các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, các hiện vật trong bảo tàng quốc gia và các di tích quốc gia có nguy cơ mai một, xuống cấp hoặc bị hủy hoại do tác động của thiên nhiên và quá trình đô thị hóa.

Xây dựng Cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa đồng bộ, hiện đại và an toàn, phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu, giáo dục, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong số hóa hiện vật, trưng bày tương tác, giáo dục trải nghiệm và du lịch văn hóa số; đa dạng hóa nội dung, hình thức trưng bày; phát triển các bộ sưu tập số tương tác và các mô hình kinh tế sáng tạo trong lĩnh vực bảo tàng và di sản, góp phần thúc đẩy công nghiệp văn hóa và quảng bá văn hóa Việt Nam trên không gian số.

Phát triển hệ thống tham quan trực tuyến, vé điện tử và hệ thống hướng dẫn tự động đa ngôn ngữ nhằm mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng đối với di sản văn hóa và bảo tàng.

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ và chuyên ngành trong bảo tồn, bảo vệ di sản vật thể, di tích, danh lam thắng cảnh. Ứng dụng các công nghệ hiện đại để quản lý, khai thác dữ liệu di sản văn hóa, tái hiện không gian trưng bày, hiện vật và nâng cao trải nghiệm tham quan

b) Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn và văn học

Thực hiện số hoá toàn diện tư liệu nghệ thuật biểu diễn: Ghi âm, ghi hình, số hoá vở diễn, bản nhạc, kịch bản, tư liệu sân khấu, lễ hội, nghệ thuật truyền

thống và các loại hình dân gian đặc sắc; ứng dụng công nghệ hiện đại để phục dựng, lưu giữ và phát huy giá trị các tác phẩm, loại hình nghệ thuật biểu diễn.

Đổi mới phương thức quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn; chuyển đổi hệ thống quản lý hoạt động biểu diễn, lưu diễn, tổ chức chương trình sang hình thức trực tuyến, bảo đảm minh bạch, thuận tiện tra cứu; thiết lập quy trình quản lý nội dung số; xây dựng hệ thống theo dõi hoạt động biểu diễn theo vùng, thời gian, loại hình và đơn vị; liên thông dữ liệu với cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý quyền tác giả và các quyền liên quan để kiểm soát, ngăn ngừa vi phạm; hình thành cơ sở dữ liệu về thị trường, khán giả và doanh thu biểu diễn phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách.

Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về nghệ sĩ, nhóm nghệ sĩ và đơn vị nghệ thuật (hồ sơ, thành tích, tác phẩm, quyền sở hữu trí tuệ,...) phục vụ nghiên cứu, quản lý và quảng bá; ưu tiên số hoá các vở diễn kinh điển, nghệ sĩ gạo cội và di sản nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, bảo đảm tính kế thừa, lan tỏa; kết nối, tích hợp dữ liệu từ các đơn vị nghệ thuật biểu diễn và cơ quan văn hoá địa phương, từng bước hình thành kho dữ liệu số dùng chung của ngành.

Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về văn học quốc gia (các tác phẩm văn học Việt Nam tiêu biểu, nổi bật, giải thưởng văn học quốc gia, các cuộc thi viết, sáng tác, trại viết, trại sáng tác văn học, tác phẩm dịch từ tiếng Việt Nam ra tiếng nước ngoài,...), hoàn thiện hệ sinh thái văn học số.

Ứng dụng công nghệ mô phỏng, phục dựng không gian và hình thức biểu diễn để tái hiện không gian sân khấu, vở diễn huyền thoại, bảo tồn nghệ thuật truyền thống; xây dựng "không gian biểu diễn số" và "sân khấu số" tích hợp nhiều phương tiện, âm thanh - ánh sáng và kỹ xảo hiện đại; tổ chức biểu diễn ảo, giao lưu trực tuyến nghệ sĩ - khán giả, mở ra các hình thức biểu diễn mới phù hợp xu thế số.

c) Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm

Triển khai số hoá tác phẩm và dữ liệu quản lý tác phẩm, tác giả; thực hiện số hoá, lưu trữ bản gốc các tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh đạt giải thưởng hoặc tham dự triển lãm chính thức nhằm hình thành kho tư liệu chuẩn.

Hỗ trợ triển lãm trên không gian số; kết nối, chia sẻ giữa các thiết chế mỹ thuật - triển lãm với lĩnh vực giáo dục mỹ thuật, du lịch văn hoá và hệ thống dữ liệu văn hoá quốc gia;

Bảo hộ quyền tác giả, các quyền liên quan và xác thực tác phẩm trên môi trường số; kết nối dữ liệu về tác phẩm, giải thưởng, triển lãm với hệ thống dữ liệu văn hoá quốc gia, bảo đảm công khai, minh bạch trong xét duyệt, cấp phép và quản lý; hỗ trợ tra cứu thông tin về lịch sử triển lãm, giải thưởng, nguồn gốc tác phẩm, phục vụ công tác thẩm định, định giá và quản lý sưu tập.

d) Lĩnh vực Điện ảnh

Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh; quản lý thống nhất, khả năng truy xuất và liên thông dữ liệu, đồng thời hỗ trợ tra cứu, nghiên cứu, quảng bá và khai thác giá trị của phim Việt Nam trong môi trường số.

Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước với các trường điện ảnh, viện đào tạo, hãng phim và doanh nghiệp công nghệ lớn nhằm chuyển giao tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản trị số trong lĩnh vực điện ảnh, giúp điện ảnh Lạng Sơn nhanh chóng bắt kịp xu thế chuyển đổi số của đất nước cũng như thế giới.

đ) Lĩnh vực Thư viện

Thực hiện số hóa có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên tài liệu in cổ, quý hiếm, địa chí, thư tịch, tài liệu nghe nhìn và các loại hình tư liệu di sản văn hóa gắn với tri thức bản địa, bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực và giá trị sử liệu của dữ liệu số.

Áp dụng các giải pháp bảo tồn lâu dài, lưu trữ đa tầng và bảo mật cao nhằm phòng ngừa rủi ro mất mát, hư hại dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong suốt vòng đời quản lý, khai thác và sử dụng.

Tích hợp các dịch vụ đọc trực tuyến, mượn, trả tài liệu điện tử và tải về an toàn, bảo đảm bảo vệ bản quyền tài liệu số.

e) Lĩnh vực Báo chí - Truyền thông

Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, quản trị nội dung, biên tập, tổng hợp, dịch tự động đa ngôn ngữ, phân tích xu hướng và cá nhân hóa nội dung; ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để thu thập, phân tích hành vi, thị hiếu công chúng, phục vụ dự báo xu hướng tiếp nhận, tiêu dùng tác phẩm văn hóa và định hướng thông tin kịp thời, chính xác.

Xây dựng các chuyên trang, kênh truyền thông đa ngôn ngữ quảng bá văn hoá Xứ Lạng trên phạm vi quốc tế; phát triển nền tảng truyền thông tri thức xã hội số quốc gia về văn hóa, giải trí trên thiết bị di động.

Tăng cường quản lý thông tin trên môi trường số và các nền tảng xã hội; triển khai hệ thống giám sát thông tin, phát hiện, xử lý và đấu tranh với tin giả, thông tin xấu độc, góp phần hỗ trợ định hướng tư tưởng, thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh văn hoá, tư tưởng trên môi trường số.

g) Lĩnh vực Văn hoá cơ sở

Thực hiện số hoá, chuẩn hoá nội dung; xây dựng kho nội dung số gồm các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, bảo đảm cung cấp và khai thác tài nguyên dùng chung đồng bộ, hiệu quả.

Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ và tuyên truyền lưu động; thực hiện ghi hình, phát trực tiếp và lưu trữ dữ liệu số, góp phần phát triển văn hóa số cộng đồng, giữ gìn bản sắc dân tộc và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số.

Đầu tư, trang bị thiết bị trình chiếu, thư viện điện tử, màn hình tương tác và đường truyền Internet tốc độ cao tại nhà văn hoá, trung tâm văn hoá - thể thao cấp tỉnh, cấp xã; hình thành không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng hiện đại, kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

h) Lĩnh vực Văn hóa các dân tộc thiểu số

Thực hiện số hoá di sản và tri thức bản địa; thống kê, sưu tầm và số hoá ngôn ngữ, chữ viết, phong tục, lễ hội, nghệ thuật dân gian, di tích, nhạc cụ, công cụ, trang phục, sản phẩm thủ công của đồng bào các dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý lĩnh vực văn hóa các dân tộc thiểu số.

Quảng bá và giáo dục giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số trên nền tảng số.

Phát triển công nghiệp văn hoá và du lịch trải nghiệm gắn với văn hóa các dân tộc thiểu số; quảng bá sản phẩm thủ công mỹ nghệ, ẩm thực và dịch vụ văn hoá thông qua thương mại điện tử và các nền tảng xã hội; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) vào các sự kiện văn hóa, du lịch tại địa phương.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động từ các nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác tuyên truyền về chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với chủ trương, định hướng chung; đồng thời hướng dẫn xác định nhu cầu, tổng hợp và đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) cho các nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa theo quy định, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất tổng hợp của Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

4. Công an tỉnh

Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo đảm an toàn an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu số hóa, dữ liệu cá nhân,... trên không gian mạng.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp số hóa lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn an ninh mạng, an toàn dữ liệu đối với các hệ thống số hóa; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các vụ việc tấn công mạng, đánh cắp dữ liệu, chiếm quyền điều khiển máy chủ, khẩn trương khắc phục sự cố, không để xảy ra mất an toàn an ninh mạng.

5. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, địa phương mình để xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

Chủ động triển khai các nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả, thiết thực, tránh chồng chéo, lãng phí; thực hiện việc lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước các cấp trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ khoa học - công nghệ... để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hiệu quả. Khuyến khích việc huy động, khai thác các nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa .

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy; Báo cáo
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PT,TH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CV, TT PVHCC, TT TT;
- Lưu: VT, KGVX (VTB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Đoàn Thanh Sơn